

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024.
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn.**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh An – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Trần Thanh L, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B, ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh T.

*Bị đơn: Bùi Thị Diễm T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh L trình bày:**

Tôi và chị Bùi Thị Diễm T sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 19/3/2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Tôi và chị T đã sống ly thân. Nay tình cảm không thể hàn gắn lại được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 05/4/2010.

Khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn chị Bùi Thị Diễm T trình bày:**

Tôi và anh Trần Thanh L sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện G. Thời gian đầu sống hạnh phúc, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nay anh L yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý do tôi còn thương chồng.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 05/4/2010, nếu tòa cho ly hôn thì tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L với chị Bùi Thị Diễm T. Về con chung: Giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn anh L có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên

căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L, chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T vào ngày 19/3/2010. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, cho thấy chị T đã không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với anh L. Do đó, anh L yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 05/4/2010, hiện nay con chung đang sống chung với chị T nên việc anh L đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh L được ly hôn với chị Bùi Thị Diễm T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 05/4/2010 cho chị Bùi Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Trần Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009538 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được căn trừ nên xem như anh L đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhân:*

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi Cục THADS huyện GCT;
- UBND xã thị trấn Vĩnh Bình, huyện GCT;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

